

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30/09/2010

TÀI SẢN	Mã	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.612.381.375.359	1.142.564.944.916
I. Tiền	110		727.295.340.517	373.830.844.176
1. Tiền	111	V.01	97.830.464.517	368.440.844.176
2. Các khoản tương đương tiền	112		629.464.876.000	5.390.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	11.861.680.000	861.680.000
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		11.861.680.000	861.680.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		220.798.162.365	198.031.679.512
1. Phải thu của khách hàng	131		54.170.751.774	115.483.848.876
2. Trả trước cho người bán	132		73.605.950.112	49.634.601.971
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	93.021.460.479	32.913.228.665
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		578.060.456.204	486.088.842.179
1. Hàng tồn kho	141	V.04	578.060.456.204	486.088.842.179
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		74.365.736.273	83.751.899.049
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		200.209.716	44.197.092
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	1.278.376	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		74.164.248.181	83.707.701.957
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =210 + 220 + 240 + 250 +260)	200		50.907.056.309	28.870.955.765
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khác	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.06		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.07		
II. Tài sản cố định	220		10.275.490.308	11.980.291.462
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	8.925.183.477	8.352.972.177
- Nguyên giá	222		13.357.004.455	13.012.670.698
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.431.820.978)	(4.659.698.521)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	515.125.013	539.500.010
- Nguyên giá	228		665.000.000	665.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(149.874.987)	(125.499.990)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	835.181.818	3.087.819.275
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			

VI. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		40.314.047.601	14.870.800.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		25.959.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	14.870.800.000	14.870.800.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		(515.752.399)	
V. Tài sản dài hạn khác	260		317.518.400	2.019.864.303
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		317.518.400	2.019.864.303
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14		
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.21		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	250		1.663.288.431.668	1.171.435.900.681

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		789.525.669.618	615.573.493.231
I. Nợ ngắn hạn	310		736.475.353.298	568.523.176.911
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		1.900.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		23.841.953.050	29.909.399.000
3. Người mua trả tiền trước	313		318.814.132.367	239.354.979.687
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	241.758.858.161	152.752.691.413
5. Phải trả người lao động	315		865.287.586	3.338.107.540
6. Chi phí phải trả	316	V.17	810.013.935	2.342.050.564
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.18	147.053.036.387	137.020.950.057
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3.332.071.812	1.904.998.650
II. Nợ dài hạn	330		53.050.316.320	47.050.316.320
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.20		
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	52.771.886.012	46.771.886.012
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		278.430.308	278.430.308
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. Vốn chủ sở hữu (400= 410 + 430)	400		873.762.762.050	555.862.407.450
I. Vốn chủ sở hữu	410		873.762.762.050	555.862.407.450
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	328.000.000.000	164.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.994.035.440	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(13.705.786.080)	(4.274.155.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.000.000.000	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.859.125.866	11.859.125.866
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		528.615.386.824	384.277.436.584
11. Nguồn vốn đầu tư XD cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300 + 400)	440		1.663.288.431.668	1.171.435.900.681

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	V.24		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại ệ các loại			
6. Dự toán chi hoạt động			

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

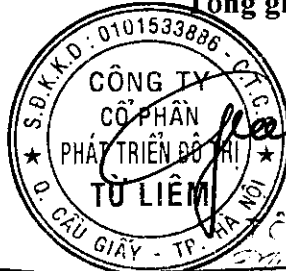
Người lập biểu

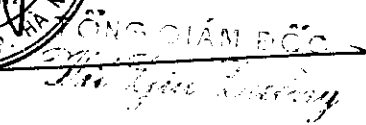
Kế toán trưởng

Tổng giám đốc







 TỔNG GIÁM ĐỐC


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Th. minh	Quý III		Luỹ kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	322.351.041.272	434.814.491.269	806.624.271.345	732.636.159.085
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		322.351.041.272	434.814.491.269	806.624.271.345	732.636.159.085
(10 = 01 - 03)						
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	211.158.720.112	176.557.790.462	383.290.220.493	348.325.716.473
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.192.321.160	258.256.700.807	423.334.050.852	384.310.442.612
(20 = 10 - 11)						
6. Doanh thu từ hoạt động tài chính	21	VI.26	18.074.947.481	3.676.292.955	36.922.502.453	14.957.713.226
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		33.222.222	534.039.899	5.347.662.320
Trong đó: Chi phí lãi vay	23			33.222.222	18.287.500	217.662.345
8. Chi phí bán hàng	24		4.035.474.409		4.035.474.409	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.038.704.167	4.599.266.687	17.943.690.233	12.501.798.693
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		119.193.090.065	257.300.504.853	437.743.348.764	381.418.694.825
(30 = 20 + (21-22) - (24 + 25))						
11. Thu nhập khác	31		609.792.830	420.130	4.181.135.590	61.407.130
12. Chi phí khác	32		(310.590.658)	409.087.871	3.893.490.095	585.334.590
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		920.383.488	(408.667.741)	287.645.495	(523.927.460)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		120.113.473.553	256.891.837.112	438.030.994.259	380.894.767.365
(50 = 30 + 40)						
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	29.403.624.561	80.180.424.768	109.507.748.564	110.534.398.503
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		90.709.848.992	176.711.412.344	328.523.245.695	270.360.368.862
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.766	10.775	10.016	16.485

Người lập biểu

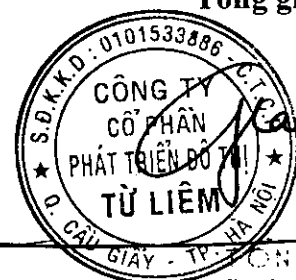
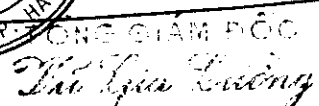


Kế toán trưởng



Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Tổng giám đốc

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

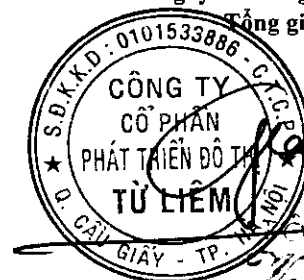
Theo phương pháp trực tiếp
Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm trước
			Năm nay	Năm trước	
1	2	3	4	5	6
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	...	826.975.210.645	842.584.558.703	1.078.473.369.731
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	...	(302.232.291.168)	(140.114.540.725)	(249.854.866.181)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	...	(14.148.635.892)	(8.427.879.814)	(13.907.072.372)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	...	(44.877.060)	(217.662.345)	(332.602.967)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	...	(20.558.290.300)	(47.780.909.770)	(47.780.909.770)
6. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	6	...	4.315.648.755.957	2.078.848.783.696	3.955.326.437.243
7. Tiền chi cho các hoạt động kinh doanh	7	...	(4.496.123.482.750)	(2.322.959.751.137)	(4.352.870.816.888)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	...	309.516.389.432	401.932.598.608	369.053.538.796
II. Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư		...	-	-	-
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	...	(127.502.875)	(85.081.867)	(111.535.867)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	...	759.411.355	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	...	-	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	...	-	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	...	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	...	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	...	45.216.198.429	14.887.911.454	32.258.873.517
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	...	45.848.106.909	14.802.829.587	32.147.337.650
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		...	-	-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	...	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	...	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	...	-	2.000.000.000	4.900.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	...	(1.900.000.000)	(100.000.000.000)	(103.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	...	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	...	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	...	(1.900.000.000)	(98.000.000.000)	(98.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	...	353.464.496.341	318.735.428.195	303.100.876.446
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	...	373.830.844.176	70.729.967.730	70.729.967.730
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	...	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	727.295.340.517	389.465.395.925	373.830.844.176

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 10 năm 2010
Tổng giám đốc



Tổng giám đốc
Thị Gia Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỬ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý III năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, kinh doanh nhà
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm :**
 - Xây dựng hạ tầng đô thị;
 - Tổ chức kinh doanh nhà;
 - Kinh doanh bất động sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 2. Tiền và tương đương tiền**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao trong 3 năm.

Quyền sử dụng đất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng tại Hòa Bình, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 20 năm.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Giá trị lợi thế thương mại

Là giá trị lợi thế khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 10 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Riêng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, trường hợp Công đã thu tiền của khách hàng mà chưa xác định được chi phí tương ứng thì doanh nghiệp tạm kê khai nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 2% trên doanh thu thu được tiền. Khi bàn giao bất động sản, Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và nguyên tắc xác định giá vốn hàng bán

Doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Khi thực hiện các dự án xây dựng, kinh doanh nhà ở và khu đô thị: Doanh thu chủ yếu thu được từ các hợp đồng dài hạn về mua bán nhà ở và chuyển nhượng đất có hạ tầng.
 - + Đối với trường hợp chuyển nhượng đất có hạ tầng: Doanh thu được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đất có hạ tầng được hai bên ký kết và đã có Biên bản bàn giao mốc giới.
 - + Đối với trường hợp xây dựng và kinh doanh nhà ở: Công ty vận dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 “Hợp đồng xây dựng” vào việc hạch toán doanh thu. Theo đó: Doanh thu thực hiện các dự án xây dựng, kinh doanh nhà ở và khu đô thị được ghi nhận theo phương pháp Tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành trong năm so với tổng chi phí dự toán đã được duyệt của công trình, dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ

Giá vốn

- Đối với các dự án xây dựng, kinh doanh nhà ở và khu đô thị: giá vốn bao gồm chi phí xây lắp và chi phí hạ tầng
 - + Chi phí xây lắp của các dự án chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh. Chi phí xây lắp của phần công việc hoàn thành đã ghi nhận doanh thu trong năm được kết chuyển toàn bộ vào giá vốn hàng bán.
 - + Chi phí hạ tầng được ghi nhận theo thực tế phát sinh. Số kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm được xác định theo dự toán chi phí hạ tầng.
- Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, chủ đội công trình, trong khoảng 95% - 97% và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	27.028.841.785	8.656.129.684
Tiền gửi ngân hàng	53.752.456.145	359.284.714.492
Tiền đang chuyển		500.000.000
Các khoản tương đương tiền	629.464.876.000	5.390.000.000
<i>Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>	<i>629.464.876.000</i>	<i>5.390.000.000</i>
Cộng	<u>727.295.340.517</u>	<u>373.830.844.176</u>

2. Đầu tư ngắn hạn :

Là khoản đầu tư vào 43.084 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

- Giá trị đầu tư : **861.680.000** đồng.

- Khoản cho nhà thầu vay vốn : **11.000.000.000** đồng

Tổng cộng : **11.861.680.000** đồng

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về hoạt động bất động sản	44.848.102.395	52.897.395.276
Phải thu về hoạt động xây lắp	9.322.649.379	62.586.453.600
Cộng	<u>54.170.751.774</u>	<u>115.483.848.876</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà N09B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về hoạt động chuyển nhượng Bất động sản	62.455.021.350	9.223.425.460
Trả trước các nhà cung cấp khác	11.150.928.762	40.411.176.511
Cộng	<u>73.605.950.112</u>	<u>49.634.601.971</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	70.083.613	95.369.921
Phải thu CBCNV về thuế TNCN	25.018.699	218.970.020
Công ty Cổ phần phát triển nhà Tây Đô	3.046.120.000	3.046.120.000
Tạm kê khai nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 2% trên doanh thu thu tiền theo tiến độ của dự án	16.195.812.407	12.543.194.695
Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		8.891.000.000
Các khoản phải thu khác	7.356.753.466	8.118.574.029
Tài sản bàn giao cho các Công ty con (L3, L6)	66.327.672.294	
Cộng	<u>93.021.460.479</u>	<u>32.913.228.665</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu		39.413.212.566
Công cụ, dụng cụ		-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	578.060.456.204	446.675.629.613
Cộng	<u>578.060.456.204</u>	<u>486.088.842.179</u>

7. Chi phí trả trước ngắn

Là chi phí công cụ dụng cụ, chi tiết:

Số đầu năm	44.197.092
Tăng trong năm	1.146.226.543
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	990.213.919
Số cuối năm	<u>200.209.716</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	73.902.461.728	82.789.458.871
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	261.786.453	918.243.086
Cộng	<u>74.164.248.181</u>	<u>83.707.701.957</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Công trình nhà xưởng mộc – sắt TT	914.088.842	486.785.126	1.400.873.968	
Công trình nhà xưởng gỗ tự nhiên	1.522.687.835	134.147.756	1.656.835.591	
Công trình xưởng xẻ gỗ tự nhiên	517.709.807	55.062.436	572.772.243	
Công trình đường điện 3 fa	133.332.791		133.332.791	
Mua sắm TSCĐ		835.181.818		835.181.818
Cộng	3.087.819.275	1.511.177.136	3.763.814.593	835.181.818

10. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Đầu tư vào Công ty con	25.959.000.000	
2. Đầu tư dài hạn khác	14.870.800.000	14.870.800.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	9.220.800.000	9.220.800.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt	5.500.000.000	5.500.000.000
Đầu tư trái phiếu	150.000.000	150.000.000
- Trái phiếu chính phủ	100.000.000	100.000.000
- Trái phiếu xây dựng thủ đô	50.000.000	50.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(515.752.399)	
Cộng	40.314.047.601	14.870.800.000

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Giá trị lợi thế khi xác định giá trị doanh nghiệp	379.712.000		62.193.600	317.518.400
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	107.252.303		107.252.303	
Chi phí thi công, lắp đặt nhà xưởng sản xuất đồ gỗ nội thất	1.532.900.000		1.532.900.000	
Cộng	2.019.864.303		1.702.345.903	317.518.400

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		1.900.000.000
Cộng		1.900.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp Dự án Dịch Vọng	9.425.849.675	18.819.203.597
Nhà cung cấp Dự án Xuân Đình	52.598.833	52.598.833
Nhà cung cấp Dự án 1A Láng Hạ	272.953.000	272.953.000
Nhà cung cấp Dự án Trạm Trôi	226.684.650	5.215.081.737
Nhà cung cấp khác	13.863.866.892	5.549.561.833
Cộng	23.841.953.050	29.909.399.000

14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước tiền mua nhà Khu đô thị mới Dịch Vọng	88.816.257.055	141.901.681.594
Khách hàng ứng trước tiền mua nhà Dự án Trạm Trôi	196.351.824.938	49.641.319.599
Các đối tượng khác (các công trình xây lắp)	33.646.050.374	47.811.978.494
Cộng	318.814.132.367	239.354.979.687

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.927.452.972	32.905.827.067	39.556.827.844		276.452.195
Thuế thu nhập doanh nghiệp	143.768.160.298	117.439.511.426	20.558.290.300		240.649.381.424
Thuế thu nhập cá nhân	2.057.078.143	6.678.457.572	7.902.511.173		833.024.542
Tiền thuế đất		46.300.000	46.300.000		
Các loại thuế khác		9.000.000	9.000.000		
Cộng	152.752.691.413	157.079.096.065	68.072.929.317		241.758.858.161

16. Chi phí phải trả

Là các khoản trích trước chi phí các công trình xây lắp.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Là các khoản trích trước chi phí các công trình xây lắp	810.013.935	2.342.050.564

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cộng	Số cuối kỳ 810.013.935	Số đầu năm 2.340.050.564
17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	993.074.207	993.074.207
Bảo hiểm y tế		23.702.351
Kinh phí công đoàn	50.349.289	10.489.062
Nhận vốn góp liên doanh từ các đơn vị khác		10.860.233.000
Dự án Dịch Vọng ^(a)		
<i>Công ty Cổ phần Hà Đô (bằng tiền và sản lượng thi công dự án)</i>	29.851.600.000	-
Dự án Xuân Đình ^(b)		
<i>Công ty Cổ phần Trung Tín</i>	10.860.233.000	10.860.233.000
<i>Công ty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng</i>		-
Phải trả Ngân sách Nhà nước chênh lệch giá bán và giá thành toà nhà NO9B2	5.812.627.040	5.812.627.040
Phải trả tiền phí và ký quỹ bảo lãnh	266.120.892	839.323.336
Phải trả các đội xây dựng	88.848.833.318	114.635.040.610
Sở xây dựng dự án X3	428.031.750	428.031.750
Phụ cấp HĐQT và Ban Kiểm soát	381.000.000	3.150.250.831
Phải trả khác	9.561.166.891	268.177.870
Cộng	147.053.036.387	137.020.950.057
18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Là thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế của tòa nhà No9B1 và No9B2 (đang tạm kê nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 2% trên doanh thu đã thu tiền, khi bàn giao nhà thì sẽ quyết toán số phải nộp), cụ thể:		
- Tòa nhà NO9B1:		32.840.974.012
- Tòa nhà NO9B2:		19.930.911.510
Cộng		52.771.886.012

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Xã Đông Ngạc - Huyện Từ Liêm - Thành phố Hà Nội
BẢO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

19. Vốn chủ sở hữu
Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	164.000.000.000	-	(4.274.155.000)	-	11.859.125.866	384.277.436.584	555.862.407.450
Lợi nhuận trong kỳ						328.523.245.695	328.523.245.695
Phân phối lợi nhuận năm trước							
Trích lập các quỹ theo NQĐHĐCĐ năm 2010				5.000.000.000	5.000.000.000	-10.000.000.000	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo NQĐHĐCĐ năm 2010						-10.000.000.000	-10.000.000.000
Tăng vốn điều lệ theo NQĐHĐCĐ năm 2010	164.000.000.000					-164.000.000.000	13.268.190.440
Bán 83.140 CP cổ phiếu quỹ NTL		8.994.035.440	4.274.155.000				4.274.155.000
Mua cổ phiếu quỹ			(13.705.786.080)				(13.705.786.080)
Chi trả tiền các khoản khác						-185.295.455	
Số dư cuối kỳ	328.000.000.000	8.994.035.440	(13.705.786.080)	5.000.000.000	16.859.125.866	528.615.386.824	873.762.762.050

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Xã Đông Ngạc - Huyện Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	806.624.271.345	1.379.553.723.402
Hoạt động kinh doanh xây lắp	207.086.627.404	196.274.934.650
Hoạt động kinh doanh nhà	589.620.619.704	1.180.410.869.981
Doanh thu hoạt động dịch vụ	9.917.024.237	2.867.918.771
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	806.624.271.345	1.379.553.723.402

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động xây lắp	193.947.106.613	181.276.668.907
Giá vốn của hoạt động kinh doanh nhà	177.746.248.495	487.567.431.381
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.596.865.385	2.854.686.956
Cộng	383.290.220.493	671.698.787.244

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay. Hoạt động đầu tư chứng khoán	36.922.502.453	16.798.441.325
Cộng	36.922.502.453	16.798.441.325

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí Lãi tiền gửi, tiền cho vay. Hoạt động đầu tư chứng khoán	534.039.899	(13.298.720.953)
Cộng	534.039.899	(13.298.720.953)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bán hàng dự án Trạm Trôi	4.035.474.409	
Cộng	4.035.474.409	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy – Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Năm trước
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.943.690.233	22.061.016.474
Cộng	17.943.690.233	22.061.016.474

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Năm trước
Hoàn nhập chi phí trích trước công trình trường mầm non Gia Quất		61.641.057
Thu tiền bán vật tư thiết bị lò khói Bia Sài Gòn		60.987.000
Thu nhập khác	4.181.135.590	1.955.576
Cộng	4.181.135.590	124.583.633

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Năm trước
Chi phí khác	3.893.490.095	2.766.050.217
Cộng	3.893.490.095	2.766.050.217

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc quý tài chính

- Sang quý IV/2010 Công ty tiếp tục triển khai công tác bán nhà dự án khu đô thị mới Bắc QL 32 TT Tràm Trôi.
- Dự án khu đô thị mới Tây đô – Hoài Đức đã được các Sở ban ngành thành phố thống qua, đang chờ ý kiến chỉ đạo từ Chính phủ.
- Đang xin điều chỉnh thiết kế kiến trúc toà nhà NO4B1 thuộc khu ĐTM Dịch Vọng và dự kiến triển khai đầu tư xây dựng vào quý IV/2010.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

Lập, ngày 25 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đỗ Huy Khải

Lê Minh Tuấn

